

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc châu và bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1982.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn V, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa,

Tại phiên tòa vắng mặt chị N và anh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Lê Văn V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/12/2000. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị N. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương và gia đình hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Chị N và anh V đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm

đến nhau nữa, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn V.

Về con chung: Chị N khai vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Lê Văn V, sinh ngày 27/11/2001 và cháu Lê Thị H, sinh ngày 17/11/2003. Hiện cháu V đã thành niên nên chị N không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Hà Trung đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn V nhiều lần đến Tòa án để viết bản khai nhưng anh V vẫn không mà không có lý do, nên không có lời khai của anh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N và giao cháu Lê Thị H, sinh ngày 17/11/2003 cho chị N nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh V cũng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N và anh V là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Lê Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân pháp. Theo chị N, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị N. Theo biên bản xác minh ngày 26/02/2020 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh V là do anh V uống rượu chửi bới, xúc phạm chị N. Chị N và anh V đã sống ly thân từ đầu tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh V luôn xảy

ra mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Đời sống chung của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị N được ly hôn anh V là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị N khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Lê Văn V, sinh ngày 27/11/2001 và cháu Lê Thị H, sinh ngày 17/11/2003. Chị N cũng xuất trình cho Tòa án giấy khai sinh của các cháu Lê Văn V và Lê Thị H, trong giấy khai sinh thể hiện cháu V và cháu H là con chung của chị N và anh V. Mặt khác, cháu V và cháu H sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu V và cháu H là con chung của chị N và anh V. Hiện cháu V đã thành niên, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ, do cháu H đang ở độ tuổi phát triển về tâm sinh lý, cần được sự chăm sóc chỉ bảo của mẹ, chị N cũng đề nghị được nuôi dưỡng cháu H không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Vì vậy, giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83; khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Lê Văn V.

2. Về con chung: Công nhận cháu Lê Thị H, sinh ngày 17/11/2003 là con chung của chị N và anh V. Giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Anh V có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0005337 ngày 05/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trịnh Thanh Hương